TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/DS-ST
Ngày 28-4-2021
V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhâm

Bà Trần Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa***: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02A/2021/TLST–DS, ngày 04 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp nợ hụi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã LĐĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 (có mặt)

Anh Hứa Văn Đ1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp DĐ, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1980.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đông: Chị Lê Thị L, sinh năm 1978, theo văn bản ủy quyền ngày 27/01/2021 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp MĐ, xã LĐĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 chị Nguyễn Thị K và anh Hứa Văn Đ1 có tham gia chơi hụi do chị L làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Khui ngày 05/3/2019 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, có 35 chưng, tháng khui một lần, anh Đ1 và chị K tham gia 01 chưng, hốt ở kỳ thứ 13, bỏ hụi hốt 300.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 600.000 đồng, hốt được số tiền 26.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị K và anh Đ1 đóng hụi chết được 02 kỳ từ kỳ thứ 14 đến kỳ thứ 15, kỳ thứ 16 đến kỳ 22 (kỳ thứ 22 là ngày 05/10/2020 âm lịch,

ngày 19/11/2020 dương lịch) anh Đ1 và chị K không đóng tiền hụi chết, chị L đã lấy tiền cá nhân để đóng tiền hụi chết thay cho anh Đ1 và chị K 07 kỳ với số tiền 7.000.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 5/12/2021 âm lịch mới mãn hụi. Chị L yêu cầu anh Đ1 và chị K trả tiền nợ hụi 07 kỳ hụi chết với số tiền 7.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Khui ngày 06 tháng 7 năm 2018 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, có 35 chưng, anh Đ1 và chị K tham gia 01 chưng; hốt hụi ở kỳ thứ 5, bỏ hụi 800.000 đồng, trừ đầu thảo 1.200.000 đồng, hốt được số tiền 45.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi anh Đ1 và chị K đóng hụi chết đến kỳ 19. Từ kỳ thứ 20 đến kỳ thứ 25 không đống hụi chết 06 kỳ (kỳ thứ 25 là ngày 06/8/2020 âm lịch nhằm ngày 22/9/2020 dương lịch). Chị L đã đóng tiền hụi chết thay cho ông Đ1 và bà K là 06 kỳ, tổng cộng là 12.000.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 06/4/2021 âm lịch mới mãn hụi. Nay chị L yêu cầu anh Đ1 và chị K trả tiền hụi chết từ kỳ 20 đến kỳ thứ 25 là 12.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Khui ngày 15/11/2019 (âm lịch), loại hụi 500.000 đồng, tháng khui 02 lần, có 42 chưng, anh Đ1 và chị K tham gia 01 chưng; hốt ở kỳ thứ hai, bỏ hụi 150.000 đồng, trừ đầu thảo 300.000 đồng, hốt được số tiền 14.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì anh Đ1 và chị K đóng hụi chết đến kỳ thứ 13. Từ kỳ thứ 14 đến kỳ thứ 24 (kỳ thứ 24 là ngày 29/11/2020 âm lịch, nhằm ngày 13/12/2020 dương lịch) anh Đ1 và chị K không đóng hụi chết là 11 kỳ, chị L đã đóng hụi chết thay cho anh Đ1 và chị K số tiền 5.500.000 đồng; tính đến ngày khởi kiện (21/12/2020) thì chị L đã đóng hụi chết thay cho anh Đ1 và chị K 11 kỳ bằng số tiền 5.500.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 30/6/2021 âm lịch mãn hụi.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 chị L yêu cầu anh Đ1 và chị K trả tiền hụi chết của dây hụi này là 6.500.000 đồng, nay chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả 5.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Khui ngày 10/4/2020 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khui một lần, có 30 chưng, anh Đ1 và chị K tham gia 01 chưng, hốt hụi kỳ thứ hai, bỏ hụi hốt là 500.000 đồng, trừ đầu thảo 1.200.000 đồng, hốt được số tiền 42.800.000 đồng. Sau hốt hụi thì anh Đ1 và chị K không đóng tiền hụi chết từ kỳ thứ 3 đến kỳ thứ 7 (kỳ thứ 7 là ngày 10/10/2020 âm lịch, nhằm ngày 24/11/2020 dương lịch) là 5 kỳ với số tiền là 10.000.000 đồng. Chị L đã đóng hụi chết thay cho anh Đ1 và chị K số tiền 10.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020, chị L yêu cầu anh Đ1 và chị K trả tiền nợ hụi của dây hụi này là 14.000.000 đồng, nay chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền là 10.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Khui ngày 30/12/2018 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, có 35 chưng, anh Đ1 và chị K tham gia 01 chưng, hốt hụi kỳ thứ hai, bỏ hụi hốt 1.150.000 đồng, trừ đầu thảo 1.500.000 đồng, hốt được số tiền 63.870.000 đồng; đóng hụi chết đến kỳ thứ 17; từ kỳ thứ 18 đến kỳ thứ 23 không đóng hụi chết nữa (kỳ thứ 23 là ngày 29/10/2020 âm lịch nhằm ngày 13/12/2020 dương lịch). Chị L đã đóng hụi chết thay cho anh Đ1 và chị K 06 kỳ với số tiền 18.000.000 đồng; dây hụi này còn 12 kỳ nữa mới mãn hụi.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 chị Len yêu cầu ông Đ1 và bà K trả số tiền nợ hụi của dây hụi này là 21.000.000 đồng của 07 kỳ hụi chết, nay rút một

phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu anh Đ1 và chị K trả tiền hụi chết của 06 kỳ là 18.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ sáu: Khui ngày 15/11/2019 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khui một lần, có 40 chưng, anh Đ1 và chị K tham gia chơi 01 chưng; hốt hụi kỳ thứ hai, bỏ hụi hốt là 800.000 đồng, trừ đầu thảo 1.200.000 đồng, hốt được số tiền 46.400.000 đồng; sau khi hốt hụi thì anh Đ và chị K đóng hụi chết đến kỳ thứ 7, từ kỳ thứ 8 đến kỳ thứ 13 (kỳ thứ 13 là ngày 15/10/2020 âm lịch, nhằm ngày 29/11/2020 dương lịch) không đóng tiền hụi chết nữa (là 06 kỳ hụi chết). Chị L đã đóng tiền hụi chết thay cho chị K và anh Đ1 06 kỳ hụi là 12.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 chị L yêu cầu anh Đ1 và chị K trả tiền nợ hụi của dây hụi này 07 kỳ là 14.000.000 đồng, nay rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng, chỉ yêu cầu 06 kỳ hụi chết là 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh Đ1 và chị K còn thiếu tiền hụi của chị L là 5.050.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ hụi anh Đ1 và chị K nợ chị L là 69.550.000 đồng. Do anh Đ1 và chị K cùng tham gia chơi hụi nên yêu cầu anh Đ1 và chị K cùng có nghĩa vụ trả nợ. Việc mỡ hụi là tạo thêm thu nhập để chi tiêu trong gia đình, nguồn tiền đóng hụi chết thay cho anh Đ1 và chị K là của vợ chồng nên yêu cầu anh Đ1 và chị K cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị L và anh Nguyễn Hoàng Đ. Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.000.000 đồng. Đối với các kỳ hụi chưa mãn thì chị L khởi kiện ở vụ án khác.

Bị đơn chị Huỳnh Thị K trình bày: Anh Hứa Văn Đ1 là chồng của chị, chị có tham gia chơi hụi và có nợ tiền hụi chết như lời trình bày nêu trên của chị L là đúng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần số tiền nợ hụi 69.550.000 đồng. Anh Đ1 đi ghe biển thường xuyên không về nhà nên anh Đ không biết việc chị tham gia chơi hụi và nợ tiền hụi của chị L nên số tiền nợ trên không phải nợ chung của vợ chồng. Khoảng 3, 4 tháng anh Đ về nhà một lần nên chi chí sinh hoạt trong gia đình, nuôi con thì do chị hốt hụi của chị L để chi trả, chị hốt dây hụi này để đóng tiền dây hụi khác.

Đối với bị đơn anh Hứa Văn Đ1: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như triệu tập Đ1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Đ1 vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn chị K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73; bị đơn anh Đ1 thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L đối với anh Đ1 và chị K, buộc anh Đ1 và chị K cùng có trách nhiệm trả cho L và anh Đ số tiền 69.550.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền 13.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị K và anh Đ1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Lê Thị L tranh chấp nợ hụi với chị Nguyễn Thị K và anh Hứa Văn Đ1, chị K và anh Đ1 cư trú tại: Ấp DĐ, xã ĐH, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[1.2]. Bị đơn anh Hứa Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ1.

2 Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 chị L yêu cầu anh Đ1 và chị K trả số tiền nợ hụi 82.550.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền 69.550.000 đồng. Xét thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền 13.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, yêu cầu chị K và anh Đ trả số tiền nợ hụi 69.550.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị K xác định thống nhất thời gian chơi hụi do chị L làm chủ và còn nợ chị L tiền nợ hụi 69.550.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật.

[2.3] Chị K xác định việc chơi hụi và hốt hụi của chị L là do cá nhân chị trực tiếp tham gia, anh Đ1 không biết việc chơi hụi, anh Đ1 đi ghe biển khoảng 3 đến 4 tháng về nhà một lần, chi phí sinh hoạt trong gia đình, nuôi con do chị hốt hụi của

chị L để chi trả, chị hốt dây hụi này để đóng tiền dây hụi khác. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị K xác định sử dụng tiền hốt hụi để chi tiêu đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nuôi con, nên có căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên anh Đ1 và chị K cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị L theo quy định tại Điều 27, Điều 33, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Chị L xác định việc mỡ hụi là do chị và anh Nguyễn Hoàng Đ cùng thực hiện, số tiền đóng hụi chết thay cho anh Đ1 và chị K là tiền chung của vợ chồng, do đó anh Đ1 và chị K phải có nghĩa vụ trả cho chị L và anh Đ số tiền 69.550.000 đồng là phù hợp.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ do chị L tự nguyện không yêu cầu nên căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L đối với anh Đ1 và chị K. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị K và anh Đ1 phải chịu theo quy định của pháp luật, chị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 33, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L đối với chị Nguyễn Thị K và anh Hứa Văn Đ1.

- Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Hứa Văn Đ1 trả cho Lê Thị L và anh Nguyễn Hoàng Đ số tiền 69.550.000 đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án,cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị K và anh Hứa Văn Đ1 về việc yêu cầu trả số tiền 13.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Hứa Văn Đ1 phải chịu số tiền 3.477.500 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Lê Thị L không phải chịu án phí. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.063.000 đồng theo Biên lai thu số 0008241 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại số tiền 2.063.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Lưu hồ sơ;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni